HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 75/2026/NQ-HĐND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định một số cơ chế, chính sách quản lý, đầu tư xây dựng và phát triển các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 1514/TTr-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định một số cơ chế, chính sách quản lý, đầu tư xây dựng và phát triển các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 479/BC-BKTNS ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định một số cơ chế, chính sách quản lý, đầu tư xây dựng và phát triển các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chi tiết điểm a, b và c khoản 2 Điều 32 Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 về một số cơ chế, chính sách quản lý, đầu tư xây dựng và phát triển đối với các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm:

1. Việc thành lập, điều chỉnh, đầu tư xây dựng, quản lý và phát triển khu công nghệ cao; chức năng, nhiệm vụ của khu công nghệ cao.

2. Phạm vi, tiêu chí, điều kiện thực hiện hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ cao, đổi mới sáng tạo trọng điểm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao trong khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

3. Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ và nguồn lực hỗ trợ phát triển hạ tầng khu công nghệ cao, dự án đầu tư và các hoạt động tại khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

4. Cơ chế, chính sách, mô hình về quản lý, quản trị khu công nghệ cao và các nội dung khác phục vụ phát triển khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan được Ủy ban nhân dân Thành phố giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với từng loại hình khu công nghệ cao quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Phát triển đô thị; cơ quan nhà nước có liên quan đến việc quản lý, đầu tư xây dựng và phát triển các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

2. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố; nhà đầu tư, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục và đào tạo và các tổ chức hoạt động trong các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

3. Cá nhân làm việc trong các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, đầu tư xây dựng và phát triển các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố bao gồm loại hình khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và loại hình tập trung, liên kết ứng dụng, phát triển công nghệ cao trong các lĩnh vực khác.

2. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao là cơ quan được Ủy ban nhân dân Thành phố giao quản lý nhà nước đối với các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Phát triển đô thị.

3. Tổ chức quản lý, vận hành, sử dụng và khai thác các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố là tổ chức, doanh nghiệp được Ủy ban nhân dân Thành phố giao hoặc nhà đầu tư thành lập, lựa chọn để thực hiện việc quản lý, vận hành, sử dụng, khai thác kết cấu hạ tầng và cung cấp dịch vụ hoạt động của khu, không thực hiện chức năng quản lý nhà nước, trừ nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật.

4. Loại hình tập trung, liên kết ứng dụng, phát triển công nghệ cao trong các lĩnh vực khác là loại hình quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Phát triển đô thị, được tổ chức theo chương trình, đề án hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Thành phố, trong đó xác định lĩnh vực, phạm vi và hoạt động tập trung, liên kết ứng dụng, phát triển công nghệ cao.

5. Hệ thống đổi mới sáng tạo là tổng thể các chủ thể, thiết chế và mối liên kết giữa các chủ thể trong các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố và với

các chủ thể có liên quan nhằm thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ.

6. Hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị và hạ tầng dùng chung phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, thử nghiệm, đánh giá, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, công nghệ trong các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

7. Hạ tầng số là hệ thống hạ tầng viễn thông, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng điện toán, nền tảng số và hạ tầng kỹ thuật số khác phục vụ quản lý, nghiên cứu, phát triển, sản xuất, kinh doanh và đổi mới sáng tạo trong các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

8. Cơ sở lưu trú phục vụ các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố là công trình nhà cao tầng, nhà thấp tầng và nhà biệt thự, được đầu tư xây dựng trên phần diện tích đất thương mại, dịch vụ trong ranh giới của các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố, phải bố trí riêng biệt với khu sản xuất, văn phòng, bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường và vệ sinh, an toàn lao động theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan; bảo đảm an ninh, trật tự và không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong khu công nghệ cao dành cho người lao động và gia đình (bao gồm bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con) trong thời gian làm việc, học tập, nghiên cứu tại các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng cơ chế, chính sách đối với các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố

1. Việc bố trí, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện các cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này phải đúng đối tượng, nội dung, điều kiện, mức hỗ trợ và thẩm quyền; trong phạm vi dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao và khả năng cân đối ngân sách của Thành phố.

2. Trường hợp cùng một đối tượng đồng thời đáp ứng điều kiện hưởng nhiều chính sách sử dụng ngân sách nhà nước đối với cùng một nội dung, nhiệm vụ hoặc khoản chi thì đối tượng chỉ được chọn hưởng một chính sách theo hướng có lợi hơn. Trường hợp các chính sách hỗ trợ các nội dung, nhiệm vụ hoặc khoản chi khác nhau thì được hưởng các chính sách tương ứng theo quy định.

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động thuộc loại hình quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Phát triển đô thị được áp dụng cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này và cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật có liên quan, nếu đáp ứng đối tượng, điều kiện áp dụng của cơ chế, chính sách tương ứng.

4. Các quy định có tính chất chung tại Nghị quyết này được áp dụng đối với các loại hình khu công nghệ cao quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Phát triển đô

thị. Trường hợp Nghị quyết có quy định riêng đối với từng loại hình khu công nghệ cao thì áp dụng quy định riêng tương ứng với loại hình đó.

5. Các cơ chế, chính sách không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và các quy định có liên quan của Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 5. Chức năng, nhiệm vụ của các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố

1. Khu công nghệ cao có chức năng, nhiệm vụ sau đây:

a) Thực hiện các hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, thử nghiệm, trình diễn, hoàn thiện, làm chủ và chuyển giao công nghệ cao, công nghệ chiến lược;

b) Sản xuất thử nghiệm sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm công nghệ chiến lược được hình thành từ kết quả nghiên cứu và phát triển được thực hiện tại khu công nghệ cao; sản xuất sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm công nghệ chiến lược;

c) Thử nghiệm có kiểm soát công nghệ, sản phẩm và chính sách mới về công nghệ cao, công nghệ chiến lược;

d) Hỗ trợ ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược, khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược;

đ) Tổ chức hoặc liên kết tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp về công nghệ cao, công nghệ chiến lược; đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nhân lực công nghệ cao trong nước và nước ngoài phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược;

e) Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, triển lãm, kết nối cung cầu công nghệ cao, công nghệ chiến lược; hợp tác trong nước và quốc tế phục vụ phát triển khu công nghệ cao;

g) Cung cấp hạ tầng số, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng công nghệ đồng bộ; cung cấp các dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, dịch vụ tài chính và một số dịch vụ khác phục vụ trực tiếp cho hoạt động của khu công nghệ cao;

h) Kết nối và hình thành hệ sinh thái công nghệ cao để thúc đẩy và lan tỏa đổi mới sáng tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

2. Khu công nghệ số tập trung có chức năng, nhiệm vụ sau đây:

a) Nghiên cứu và phát triển, ứng dụng, chuyển giao về công nghệ số;

b) Sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghệ số, cung ứng dịch vụ công nghệ số: sản phẩm phần mềm và cung ứng dịch vụ công nghệ số; sản phẩm phần cứng, điện tử thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm;

c) Nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; nghiên cứu, sản xuất thiết bị, máy móc, công cụ phục vụ trực tiếp cho công nghiệp bán dẫn;

d) Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực công nghiệp công nghệ số;

đ) Ươm tạo công nghệ số, doanh nghiệp công nghệ số; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư về công nghệ số;

e) Cung cấp hạ tầng công nghiệp công nghệ số; các công trình hạ tầng kỹ thuật, tòa nhà văn phòng làm việc, cơ sở sản xuất phục vụ cho các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ số. Trong đó, bảo đảm các yêu cầu sau:

Có hạ tầng số hiện đại, đồng bộ, bao gồm: mạng internet tốc độ cao, mạng viễn thông 5G/6G và các thế hệ tiếp theo.

Có hạ tầng cấp điện bảo đảm chất lượng, ổn định với tối thiểu có hai nguồn cấp độc lập; hạ tầng cấp thoát nước bảo đảm chất lượng, công suất đáp ứng nhu cầu; hệ thống xử lý nước thải đạt chuẩn loại A theo quy định của pháp luật về môi trường.

Áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo đảm an ninh mạng trong quản lý vận hành hạ tầng số;

g) Cung cấp dịch vụ và các điều kiện cần thiết để tổ chức, doanh nghiệp và người lao động làm việc và học tập trong khu công nghệ số tập trung. Trong đó, bảo đảm các yêu cầu sau:

Áp dụng mô hình quản trị số thông minh và xanh trong hoạt động quản lý, vận hành của khu công nghệ số tập trung nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên thiên nhiên tiết kiệm và bền vững.

Có dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và chuyên gia, người lao động làm việc, học tập thực hiện các thủ tục hành chính trong khu công nghệ số tập trung.

3. Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có chức năng, nhiệm vụ sau đây:

a) Thực hiện các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, phát triển, thử nghiệm, khảo nghiệm, trình diễn và sản xuất thử nghiệm công nghệ cao, công nghệ chiến lược trong nông nghiệp; sản xuất sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm công nghệ chiến lược; cung ứng dịch vụ công nghệ cao;

b) Thực hiện đào tạo nhân lực phục vụ hoạt động công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp; tổ chức hoặc liên kết tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

c) Thử nghiệm có kiểm soát về ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chiến lược trong nông nghiệp và các chính sách về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chiến lược;

d) Tổ chức hội chợ, triển lãm, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu các sản phẩm, kết quả nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chiến lược trong

nông nghiệp, các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ chiến lược;

đ) Hỗ trợ ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tư vấn, chuyển giao công nghệ cao, công nghệ chiến lược trong nông nghiệp;

e) Cung cấp hạ tầng số, hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; cung cấp các dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phân tích, thử nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định, đánh giá và các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ trực tiếp cho hoạt động của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và tham gia cung ứng dịch vụ cho các vùng sản xuất nông nghiệp khác;

g) Kết nối các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Thành phố với các vùng nông nghiệp khác trong nước; hỗ trợ xây dựng chuỗi giá trị nông sản và hệ sinh thái nông nghiệp đổi mới sáng tạo để lan tỏa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn sản xuất xã hội.

Chương II
THÀNH LẬP, ĐIỀU CHỈNH, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

Điều 6. Thành lập, điều chỉnh các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố

1. Việc thành lập, điều chỉnh các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố phải phù hợp với phương hướng phát triển các khu công nghệ cao theo quy hoạch tổng thể Thành phố; đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, pháp luật về công nghiệp công nghệ số, pháp luật chuyên ngành có liên quan và bảo đảm yêu cầu về quy hoạch và tổ chức không gian các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố quy định tại Điều 7 Nghị quyết này.

2. Việc thành lập khu công nghệ cao thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập khu công nghệ cao trên cơ sở Đề án thành lập khu công nghệ cao đã được lập;

b) Ủy ban nhân dân Thành phố giao cơ quan quản lý khu công nghệ cao chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập, trình Đề án thành lập khu công nghệ cao.

3. Việc thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên cơ sở Đề án thành lập được lập theo quy định về khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

b) Ủy ban nhân dân Thành phố giao cơ quan chuyên môn trực thuộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập, trình Đề án thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

c) Nội dung Đề án, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, quy định về khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và pháp luật có liên quan.

4. Việc thành lập, công nhận khu công nghệ số tập trung thực hiện như sau:

a) Khu công nghệ số tập trung được xác định là đã được thành lập khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 22 Luật Công nghiệp công nghệ số;

b) Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư; hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đầu tư và pháp luật về công nghiệp công nghệ số;

c) Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung. Trình tự, thủ tục được thực hiện theo Điều 14 Nghị định số 354/2025/NĐ-CP, giao cơ quan quản lý khu công nghệ cao tiếp nhận hồ sơ, tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố. Trong đó khu chức năng được xác định là toàn bộ khu hoặc phân khu chức năng đảm bảo các tiêu chí của khu công nghệ số tập trung theo quy định pháp luật.

5. Việc điều chỉnh khu công nghệ cao thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chỉnh khu công nghệ cao trên cơ sở Đề án điều chỉnh khu công nghệ cao đã được lập;

b) Ủy ban nhân dân Thành phố giao cơ quan quản lý khu công nghệ cao chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập, trình Đề án điều chỉnh khu công nghệ cao;

c) Trường hợp điều chỉnh giảm hoặc tăng quy mô diện tích, điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất, điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao hiện hữu mà phần diện tích điều chỉnh dưới 5% diện tích khu công nghệ cao hoặc dưới 25 ha thì Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thực hiện điều chỉnh quy hoạch khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.

Trường hợp thay đổi tên gọi của khu công nghệ cao thì Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thay đổi tên gọi theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.

6. Việc điều chỉnh khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thực hiện như sau:

a) Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chỉnh khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên cơ sở Đề án điều chỉnh được lập theo quy định;

b) Ủy ban nhân dân Thành phố giao cơ quan chuyên môn trực thuộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan lập, trình Đề án điều chỉnh khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nội dung Đề án, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định của pháp luật về khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

c) Trường hợp điều chỉnh giảm hoặc tăng quy mô diện tích, điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất, điều chỉnh ranh giới khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiện hữu mà phần diện tích điều chỉnh dưới 5% diện tích khu hoặc dưới 25 ha thì Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thực hiện điều chỉnh quy hoạch khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn mà không phải thực hiện trình tự, thủ tục quy định tại các điểm a và b khoản này.

Trường hợp thay đổi tên gọi của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thì Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thay đổi tên gọi mà không phải thực hiện trình tự, thủ tục quy định tại các điểm a và b khoản này.

7. Đối với khu công nghệ số tập trung, việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghiệp công nghệ số, đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật có liên quan.

Điều 7. Quy hoạch và tổ chức không gian các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố

1. Đối với khu công nghệ cao và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, không gian khu được tổ chức thành các nhóm chức năng chủ yếu sau đây:

a) Nhóm chức năng phục vụ trực tiếp hoạt động công nghệ cao, nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, thử nghiệm, sản xuất, đào tạo và các hoạt động chuyên môn phù hợp với chức năng của từng loại hình khu;

b) Nhóm chức năng dịch vụ, hạ tầng xã hội và các hoạt động hỗ trợ phục vụ hoạt động của khu.

Căn cứ yêu cầu phát triển của từng khu, trong quy hoạch được bố trí khu đất có chức năng sử dụng hỗn hợp để thực hiện đồng thời hoạt động công nghệ cao và hoạt động thương mại, dịch vụ hỗ trợ; diện tích đất và diện tích sàn xây dựng sử dụng cho hoạt động thương mại, dịch vụ không vượt quá 15% tổng diện tích đất và không vượt quá 15% tổng diện tích sàn xây dựng của khu đất có chức năng sử dụng hỗn hợp.

2. Đối với khu công nghệ số tập trung:

a) Tổ chức không gian các phân khu chức năng thực hiện theo quy định của pháp luật về khu công nghệ số tập trung và quy hoạch được duyệt; các phân khu chức năng được bố trí tập trung hoặc phân tán, tích hợp hỗn hợp nhiều chức năng trên cùng khu đất/công trình;

b) Đối với khu công nghệ số tập trung được công nhận từ khu chức năng hiện hữu, được kế thừa hiện trạng sử dụng đất, công trình và hạ tầng kỹ thuật hiện hữu;

c) Trường hợp khu công nghệ số tập trung được hình thành từ việc chuyển đổi một phần khu chức năng hiện hữu, phạm vi, ranh giới và phân khu chức năng phải được xác định trong hồ sơ chuyển đổi và quy hoạch có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc kế thừa hiện trạng sử dụng đất, công trình và hạ tầng kỹ thuật không thay thế yêu cầu tuân thủ quy hoạch, pháp luật về đất đai, xây dựng, môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Quy hoạch các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố phải bố trí quỹ đất phù hợp để phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghiệp công nghệ số, công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp và các lĩnh vực ưu tiên phù hợp với chức năng của từng loại hình khu và định hướng phát triển của quốc gia, Thành phố.

4. Việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết hoặc điều chỉnh quy hoạch chi tiết trong phạm vi các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố:

a) Cơ quan, tổ chức lập quy hoạch chi tiết hoặc điều chỉnh quy hoạch chi tiết không phải thực hiện lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, chuyên gia và cộng đồng dân cư có liên quan trong quá trình lập quy hoạch, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan quản lý khu công nghệ cao;

b) Cơ quan quản lý khu công nghệ cao phê duyệt quy hoạch chi tiết hoặc điều chỉnh quy hoạch chi tiết không phải lấy ý kiến thống nhất của cơ quan chuyên môn về quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố trước khi phê duyệt.

Điều 8. Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội

1. Hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố được đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác phù hợp với chức năng, quy hoạch và yêu cầu kỹ thuật của từng loại hình khu; được kết nối, chia sẻ, sử dụng chung theo quy định của pháp luật. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao có trách nhiệm tổ chức quản lý, theo dõi và giám sát việc đầu tư, quản lý, vận hành, khai thác hạ tầng theo thẩm quyền.

2. Đối với các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước, Thành phố đầu tư sửa chữa, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật,

hạ tầng xã hội đã được đầu tư bằng ngân sách nhà nước để bảo đảm vận hành ổn định, khai thác hiệu quả. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao tổ chức rà soát, đề xuất nhu cầu sửa chữa, nâng cấp và quản lý việc khai thác, sử dụng theo thẩm quyền.

3. Đối với khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố được đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng bằng vốn của nhà đầu tư:

a) Nhà đầu tư hạ tầng được trực tiếp đầu tư xây dựng cơ sở lưu trú hoặc cho tổ chức, cá nhân thuê lại đất để đầu tư xây dựng cơ sở lưu trú khi đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai, phù hợp với quy hoạch và dự án đầu tư được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

b) Tiến độ đầu tư xây dựng, đưa vào sử dụng cơ sở lưu trú được xác định trong văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng, bảo đảm không chậm hơn tiến độ hoàn thành hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án hoặc của giai đoạn dự án tương ứng;

c) Việc điều chỉnh tiến độ, xử lý trường hợp chậm tiến độ đầu tư xây dựng, đưa vào sử dụng cơ sở lưu trú, kể cả trường hợp bất khả kháng, thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện tiến độ cơ sở lưu trú và đánh giá nội dung này trong giám sát, đánh giá đầu tư, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Điều 9. Phát triển hạ tầng số, hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Việc đầu tư phát triển hạ tầng số, hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quy hoạch và yêu cầu phát triển của từng loại hình khu nhằm bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ và sử dụng chung hạ tầng.

2. Hạ tầng quy định tại khoản 1 Điều này phục vụ một hoặc nhiều hoạt động sau đây:

a) Nghiên cứu khoa học, phát triển, thử nghiệm, hoàn thiện, làm chủ và chuyển giao công nghệ;

b) Đổi mới sáng tạo, ươm tạo và thương mại hóa công nghệ, kết quả nghiên cứu;

c) Phát triển, thử nghiệm, sản xuất sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ số và sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

d) Thu thập, lưu trữ, xử lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu và cung cấp năng lực tính toán, nền tảng số phục vụ hoạt động của khu công nghệ cao.

3. Hạ tầng được đầu tư bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để sử dụng chung phải xác định đối tượng sử dụng, phương thức quản lý, khai thác, sử dụng và cơ chế kết nối, chia sẻ theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

4. Hệ thống dữ liệu, nền tảng số phục vụ quản lý các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố được kết nối, chia sẻ theo quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và pháp luật có liên quan.

Chương III

PHẠM VI, TIÊU CHÍ VÀ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRỌNG ĐIỂM, CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ CAO TRONG CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

Điều 10. Phạm vi, tiêu chí và điều kiện thực hiện hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ cao

1. Phạm vi sản xuất sản phẩm công nghệ cao

Hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ cao thực hiện trong khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố được thực hiện bởi các nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, đồng thời sản phẩm tạo ra phải thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành và đáp ứng các quy định của pháp luật có liên quan. Đối với khu công nghệ số tập trung, sản phẩm, dịch vụ của dự án đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều này.

2. Tiêu chí đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao trong khu công nghệ cao phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau đây:

a) Công nghệ được ứng dụng trong dự án đầu tư thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

b) Sản phẩm của dự án đầu tư thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

c) Tỷ lệ doanh thu hằng năm từ sản xuất sản phẩm công nghệ cao quy định tại điểm b khoản này đạt ít nhất 80% tổng doanh thu hằng năm của dự án đầu tư;

d) Số lượng người lao động đã được cấp văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp hoặc văn bằng giáo dục đại học đạt ít nhất 75% tổng số người lao động của dự án đầu tư;

đ) Số lượng người lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao của dự án đầu tư đạt ít nhất

2,5% tổng số người lao động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; đạt ít nhất 5% tổng số người lao động của dự án đầu tư đối với các trường hợp còn lại;

e) Người lao động trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao quy định tại điểm đ khoản này phải có hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động có thời hạn từ 01 năm trở lên, trong đó số người lao động có trình độ cao đẳng không vượt quá 30%;

g) Tỷ lệ tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao hằng năm trên tổng doanh thu hằng năm của dự án đầu tư đạt ít nhất 0,5% đối với dự án đầu tư thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự án đầu tư có tổng doanh thu đạt tối thiểu 10.000 tỷ đồng mỗi năm trong thời gian chậm nhất sau 03 năm kể từ năm có doanh thu; đạt ít nhất 1% đối với các trường hợp còn lại. Nội dung chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

h) Dây chuyền công nghệ của dự án phải được đầu tư đồng bộ, đạt trình độ tiên tiến, được tổ chức theo phương pháp chuyên môn hóa, tự động hóa, trong đó có ít nhất 1/3 (một phần ba) số lượng thiết bị tự động được điều khiển theo chương trình; được bố trí trong không gian làm việc bảo đảm tiêu chuẩn an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật. Ưu tiên đối với các trường hợp đầu tư mới 100%.

3. Tiêu chí đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phải đáp ứng tiêu chí đối với dự án đầu tư trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của pháp luật về khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đồng thời đáp ứng các tiêu chí quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản này hoặc có hoạt động đổi mới sáng tạo trọng điểm đáp ứng phạm vi, tiêu chí và điều kiện quy định tại Điều 11 Nghị quyết này:

a) Công nghệ được ứng dụng trong dự án đầu tư thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

b) Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

c) Hệ thống quản lý chất lượng đạt các tiêu chuẩn chuyên ngành;

d) Tuân thủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong lĩnh vực hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật;

đ) Sản phẩm của dự án đầu tư thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành, trong đó tỷ lệ doanh

thu hằng năm từ sản xuất các sản phẩm này đạt ít nhất 80% tổng doanh thu hằng năm của dự án đầu tư;

e) Số lượng người lao động đã được cấp văn bằng, chứng chỉ giáo dục nghề nghiệp hoặc văn bằng giáo dục đại học đạt ít nhất 75% tổng số người lao động của dự án đầu tư;

g) Số lượng người lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao của dự án đầu tư đạt ít nhất 2,5% tổng số người lao động của dự án đầu tư;

h) Người lao động quy định tại điểm g khoản này phải có hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động có thời hạn từ 01 năm trở lên, trong đó số người lao động có trình độ cao đẳng không vượt quá 30%;

i) Tỷ lệ tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao hằng năm trên tổng doanh thu hằng năm của dự án đầu tư đạt ít nhất 0,5%.

4. Tiêu chí đối với dự án đầu tư trong khu công nghệ số tập trung

Dự án đầu tư trong khu công nghệ số tập trung phải thực hiện ít nhất một trong các hoạt động sau đây, phù hợp với chức năng của khu công nghệ số tập trung quy định tại Điều 6 Nghị định số 354/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về khu công nghệ số tập trung; dự án thực hiện hoạt động quy định tại điểm a, điểm b hoặc điểm c khoản này phải bảo đảm số lao động là nhân lực công nghiệp công nghệ số chiếm tối thiểu 60% tổng số lao động của dự án:

a) Nghiên cứu và phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ số;

b) Sản xuất sản phẩm phần mềm, sản phẩm nội dung số, cung cấp dịch vụ công nghệ số; sản xuất sản phẩm phần cứng, điện tử thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm;

c) Nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; nghiên cứu, sản xuất thiết bị, máy móc, công cụ phục vụ trực tiếp cho công nghiệp bán dẫn;

d) Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực công nghiệp công nghệ số;

đ) Ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp công nghệ số; thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo trọng điểm đáp ứng phạm vi, tiêu chí và điều kiện quy định tại Điều 11 Nghị quyết này;

e) Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng công nghiệp công nghệ số, tòa nhà văn phòng làm việc, cơ sở sản xuất phục vụ tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ số; cung cấp dịch vụ phục vụ tổ chức, doanh nghiệp và người lao động làm việc, học tập trong khu công nghệ số tập trung, phù hợp với phân khu chức năng được quy hoạch.

5. Điều kiện chung đối với dự án đầu tư quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này

Ngoài các tiêu chí tương ứng quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này, dự án đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Mục tiêu, quy mô và nội dung hoạt động của dự án đầu tư phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của khu nơi thực hiện dự án;

b) Ứng dụng các giải pháp kỹ thuật, công nghệ thân thiện với môi trường và vận hành hệ thống sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả theo quy định của pháp luật;

c) Phù hợp với quy hoạch xây dựng, năng lực đáp ứng và khả năng dung nạp hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của khu nơi thực hiện dự án và đáp ứng các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Nhà đầu tư đề xuất dự án đầu tư phải chứng minh đầy đủ năng lực tài chính, phương án huy động vốn hợp pháp bảo đảm tiến độ đầu tư xây dựng, duy trì, vận hành ổn định dự án; đồng thời có năng lực công nghệ, kinh nghiệm quản lý bảo đảm triển khai dự án đầu tư theo đúng tiến độ và kế hoạch đã cam kết;

đ) Ưu tiên lựa chọn các dự án đầu tư có suất vốn đầu tư (chi phí đầu tư tính trên một đơn vị diện tích đất) cao hơn suất vốn đầu tư trung bình trong từng phân khu chức năng được quy hoạch của khu nơi thực hiện dự án.

Điều 11. Phạm vi, tiêu chí và điều kiện thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo trọng điểm

1. Phạm vi hoạt động đổi mới sáng tạo trọng điểm

Hoạt động đổi mới sáng tạo trọng điểm trong khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố là hoạt động đổi mới sáng tạo thuộc lĩnh vực công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quy định của pháp luật hoặc lĩnh vực ưu tiên phát triển của Thành phố.

2. Tiêu chí xác định hoạt động đổi mới sáng tạo trọng điểm

Hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các tiêu chí sau đây:

a) Có tính mới, tính sáng tạo; tạo ra sản phẩm, dịch vụ, quy trình, mô hình kinh doanh mới hoặc được cải tiến đáng kể so với hiện có, thể hiện thông qua các chỉ tiêu kỹ thuật, kinh tế cụ thể và có tài liệu chứng minh;

b) Có khả năng ứng dụng, chuyển giao hoặc thương mại hóa kết quả. Đối với hoạt động phát triển công nghệ phải có tổ chức, doanh nghiệp tiếp nhận, cam kết tiếp nhận, ứng dụng, thương mại hóa kết quả hoặc tham gia thực hiện.

3. Điều kiện thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo trọng điểm

a) Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động và định hướng phát triển của loại hình khu công nghệ cao nơi thực hiện hoạt động;

b) Có chủ thể thực hiện; xác định rõ mục tiêu, nội dung, nguồn lực, tiến độ và kết quả dự kiến;

c) Đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu chuyên ngành theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 12. Phạm vi, tiêu chí và điều kiện cung ứng dịch vụ công nghệ cao

1. Phạm vi cung ứng dịch vụ công nghệ cao

Dịch vụ công nghệ cao được cung ứng trong khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố là dịch vụ thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển hoặc dịch vụ công nghệ cao khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình khu.

2. Tiêu chí đối với hoạt động cung ứng dịch vụ công nghệ cao

Hoạt động cung ứng dịch vụ công nghệ cao phải đáp ứng các tiêu chí sau đây:

a) Sử dụng công nghệ cao hoặc trực tiếp phục vụ hoạt động nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm, ứng dụng, chuyển giao, thương mại hóa công nghệ cao, sản xuất sản phẩm công nghệ cao;

b) Có nhân lực, cơ sở vật chất, thiết bị, hạ tầng hoặc năng lực công nghệ phù hợp với dịch vụ cung ứng;

c) Có quy trình cung ứng và yêu cầu về chất lượng dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Điều kiện cung ứng dịch vụ công nghệ cao

a) Chủ thể cung ứng dịch vụ đáp ứng điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật có liên quan;

b) Đối với dịch vụ thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện hoặc thuộc lĩnh vực phải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, điều kiện về chất lượng, an toàn hoặc điều kiện chuyên ngành khác thì phải đáp ứng các quy định tương ứng;

c) Giấy phép, giấy chứng nhận, văn bản công nhận hoặc kết quả đánh giá do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc thực hiện theo quy định của pháp luật được sử dụng để xác định việc đáp ứng điều kiện tương ứng.

Chương IV

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ VÀ NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

Điều 13. Nguồn lực và chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố

1. Nguồn vốn đầu tư phát triển các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố bao gồm:

a) Vốn đầu tư công;

b) Vốn đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

c) Vốn của nhà đầu tư, tổ chức, doanh nghiệp;

d) Nguồn tài trợ, viện trợ, vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc bố trí, huy động và sử dụng các nguồn vốn quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật để:

a) Chuẩn bị đầu tư, lập và điều chỉnh quy hoạch, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng và rà phá bom, mìn, vật nổ;

b) Đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hạ tầng số, hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và công trình phục vụ quản lý, vận hành các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố;

c) Đầu tư công trình hạ tầng xã hội ngoài các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố và công trình kết nối các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố với khu vực xung quanh;

d) Cung cấp dịch vụ trong khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo về công nghệ cao được hỗ trợ lãi suất vay theo quy định. Trường hợp dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố thì được hỗ trợ mức lãi suất theo quy định hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 14. Chính sách phát triển cơ sở lưu trú phục vụ các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố

1. Dự án đầu tư xây dựng cơ sở lưu trú phục vụ người lao động và các đối tượng đang làm việc, học tập, nghiên cứu tại các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố được áp dụng các chính sách sau:

a) Chủ đầu tư được hưởng lợi nhuận định mức tối đa bằng 10% tổng chi phí đầu tư xây dựng phần diện tích sàn cơ sở lưu trú cho thuê;

b) Được sử dụng tối đa 15% tổng diện tích sàn xây dựng cơ sở lưu trú để kinh doanh thương mại, dịch vụ và tiện ích phục vụ khu lưu trú. Chi phí đầu tư phần diện tích này phải được hạch toán riêng, không tính vào giá cho thuê cơ sở

lưu trú; chủ đầu tư được hưởng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Đối với dự án hỗn hợp có hạng mục cơ sở lưu trú, chính sách quy định tại khoản 1 Điều này chỉ áp dụng đối với phần diện tích cơ sở lưu trú phục vụ các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan xác định phần diện tích được áp dụng chính sách.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về quản lý, vận hành, khung giá cho thuê cơ sở lưu trú trong các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

4. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao tổ chức thực hiện quy định tại khoản 3 Điều này và kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động đầu tư.

Điều 15. Chính sách quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và không gian dịch vụ trong các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố

1. Đối với công trình, hạng mục công trình kết cấu hạ tầng trong khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và công trình, hạng mục công trình kết cấu hạ tầng trong khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố do chủ đầu tư xây dựng nhưng bàn giao lại cho cơ quan quản lý khu công nghệ cao quản lý, cơ quan quản lý khu công nghệ cao hoặc tổ chức được Ủy ban nhân dân Thành phố giao quản lý, khai thác, vận hành khu công nghệ cao lập phương án giá dịch vụ sử dụng hạ tầng. Trường hợp phương án giá do tổ chức được giao quản lý, khai thác, vận hành khu công nghệ cao lập thì gửi cơ quan quản lý khu công nghệ cao thẩm định. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao ban hành giá theo phân cấp hoặc trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật có liên quan.

Tiền sử dụng hạ tầng được sử dụng để bảo đảm kinh phí quản lý, khai thác, vận hành, duy tu, bảo trì, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn trong các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp nguồn thu tiền sử dụng hạ tầng chưa đủ bù đắp chi phí quản lý, khai thác, vận hành, duy tu, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng trong giai đoạn các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố chưa được lấp đầy hoặc vì nguyên nhân khách quan khác, ngân sách Thành phố hỗ trợ phần còn thiếu theo quy định của pháp luật.

Số thu tiền sử dụng hạ tầng sau khi thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định mà còn dư thì được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục sử dụng cho công tác quản lý, khai thác, vận hành, duy tu, bảo trì, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng, đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn trong các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố theo kế hoạch trung hạn và hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; không sử

dụng cho mục đích khác. Việc quản lý, hạch toán, quyết toán và chuyển nguồn thực hiện theo quy định của pháp luật và Nghị quyết này.

2. Đối với khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố mà công trình, hạng mục công trình kết cấu hạ tầng được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, nhà đầu tư, doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố hoặc công trình, hạng mục công trình kết cấu hạ tầng có trách nhiệm xây dựng giá dịch vụ sử dụng hạ tầng theo quy định của pháp luật về giá và các quy định có liên quan thực hiện thủ tục, hồ sơ trình cơ quan quản lý khu công nghệ cao theo quy định; tổ chức thu và sử dụng số tiền thu được cho công tác quản lý, bảo trì, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật.

3. Việc huy động nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước để đầu tư, cải tạo, duy trì, quản lý, khai thác khu vực cây xanh, mặt nước kết hợp cung cấp dịch vụ thực hiện theo quy định của pháp luật và phù hợp với chức năng của các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

4. Tổ chức quản lý, vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng; bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông tại các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố:

a) Đối với hệ thống kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý hoặc được xác lập quyền sở hữu toàn dân và giao cơ quan quản lý khu công nghệ cao quản lý, cơ quan quản lý khu công nghệ cao tổ chức thực hiện hoặc giao đơn vị trực thuộc, tổ chức được giao quản lý, vận hành thực hiện việc quản lý, vận hành, bảo trì, bảo vệ tài sản, công trình hạ tầng và khu vực công cộng; duy trì các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi tài sản được giao quản lý; thực hiện các trách nhiệm về tổ chức lực lượng, xây dựng và thực tập phương án phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật; tổ chức tuần tra, giám sát và phối hợp với cơ quan Công an, chính quyền địa phương và cơ quan có thẩm quyền trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông tại các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố;

b) Đối với hệ thống kết cấu hạ tầng do Chủ đầu tư hạ tầng đầu tư, Chủ đầu tư hạ tầng hoặc tổ chức quản lý, vận hành do Chủ đầu tư hạ tầng thành lập, lựa chọn có trách nhiệm quản lý, vận hành, bảo trì, bảo vệ tài sản, công trình hạ tầng thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm và duy trì các điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; trang bị, quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; thực hiện các trách nhiệm khác về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan quản lý khu công nghệ cao, cơ quan Công an, chính quyền

địa phương và cơ quan có thẩm quyền trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông;

c) Trường hợp hệ thống kết cấu hạ tầng được đầu tư từ nhiều nguồn vốn, trách nhiệm quản lý, vận hành, bảo trì, bảo vệ tài sản; bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được xác định theo nguồn hình thành tài sản, phạm vi tài sản được giao quản lý và phương án quản lý, vận hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm phân định rõ trách nhiệm giữa cơ quan quản lý khu công nghệ cao, Chủ đầu tư hạ tầng và tổ chức được giao quản lý, vận hành;

d) Việc thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản này không thay thế chức năng quản lý nhà nước, nhiệm vụ và quyền hạn của lực lượng Công an, chính quyền địa phương và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, an ninh, trật tự và an toàn giao thông theo quy định của pháp luật;

đ) Chi phí hợp lý, hợp lệ phục vụ quản lý, vận hành, bảo trì, bảo vệ tài sản, công trình hạ tầng; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông và duy trì lực lượng, hệ thống, phương tiện, thiết bị thuộc phạm vi trách nhiệm của tổ chức quản lý, vận hành được tính vào chi phí quản lý, khai thác và vận hành hệ thống kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật. Nguồn kinh phí thực hiện được bảo đảm từ tiền sử dụng hạ tầng, giá dịch vụ hạ tầng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác tương ứng với nguồn hình thành, phương thức quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng.

Điều 16. Chính sách hỗ trợ đầu tư đối với các dự án đầu tư vào các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố

1. Dự án đầu tư vào các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố được hỗ trợ trong quá trình chuẩn bị và triển khai đầu tư thông qua các cơ chế sau đây:

a) Cung cấp thông tin, hướng dẫn về quy hoạch, đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường và các điều kiện có liên quan đến dự án;

b) Hướng dẫn, hỗ trợ xác định và thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan; phối hợp giải quyết hoặc liên thông các thủ tục theo quy định của pháp luật;

c) Theo dõi, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình chuẩn bị và triển khai dự án.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; giao cơ quan quản lý khu công nghệ cao làm đầu mối hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền hoặc phối hợp giải quyết thủ tục hành chính đối với dự án đầu tư vào các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố; quy định cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Chính sách hỗ trợ dự án đầu tư trọng điểm trong các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố

1. Dự án đầu tư trọng điểm tại khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung bao gồm:

a) Dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo; đầu tư nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao công nghệ cao, công nghệ chiến lược có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên;

b) Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm công nghệ chiến lược có tổng vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên.

2. Nhà đầu tư thực hiện dự án quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm khả năng huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư và đáp ứng điều kiện sau:

a) Có vốn chủ sở hữu góp vào dự án tối thiểu bằng 20% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô vốn đầu tư đến dưới 30.000 tỷ đồng;

b) Có vốn chủ sở hữu góp vào dự án tối thiểu bằng 15% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên;

c) Trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư tham gia đầu tư cùng một dự án thì tổng vốn chủ sở hữu góp vào dự án của các nhà đầu tư phải đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này, trong đó phải có ít nhất 01 nhà đầu tư góp tối thiểu là 30% và các nhà đầu tư còn lại phải góp tối thiểu là 15%.

3. Dự án đầu tư trọng điểm trong các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao bao gồm:

a) Dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo; đầu tư nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao công nghệ cao, công nghệ chiến lược có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên;

b) Dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm công nghệ chiến lược có tổng vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên.

4. Nhà đầu tư thực hiện dự án quy định tại khoản 3 Điều này phải bảo đảm khả năng huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư và đáp ứng điều kiện sau:

a) Có vốn chủ sở hữu góp vào dự án tối thiểu bằng 15% tổng vốn đầu tư đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên;

b) Trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư tham gia đầu tư cùng một dự án thì tổng vốn chủ sở hữu góp vào dự án của các nhà đầu tư phải đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu theo quy định tại điểm a khoản này, trong đó phải có ít nhất 01 nhà đầu tư góp tối thiểu là 30% và các nhà đầu tư còn lại phải góp tối thiểu là 15%.

5. Nhà đầu tư thực hiện dự án quy định tại khoản 1 và 3 Điều này được áp dụng các chính sách hỗ trợ sau đây khi đáp ứng điều kiện tương ứng:

a) Được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Thành phố khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan và thuế;

b) Được hỗ trợ mức lãi suất theo chính sách hỗ trợ lãi suất của Thành phố theo quy định hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục, mức, thời gian hỗ trợ lãi suất cụ thể thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố về đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục, mức, thời gian hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Không hỗ trợ trùng đối với cùng một khoản chi phí từ ngân sách nhà nước hoặc quỹ có nguồn gốc ngân sách nhà nước.

Điều 18. Áp dụng chính sách hỗ trợ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực

1. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao và đơn vị sự nghiệp trực thuộc được tổ chức thực hiện và áp dụng trực tiếp các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và các đối tượng khác theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về hỗ trợ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và quy định pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động trong các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố được hưởng chính sách hỗ trợ của Thành phố về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực khi đáp ứng đầy đủ đối tượng, tiêu chí và điều kiện hưởng chính sách theo quy định. Việc xác định đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ, điều kiện, trình tự, thủ tục và nguồn kinh phí thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chính sách tương ứng và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 19. Liên kết giữa các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố

1. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao phối hợp kết nối hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ giữa các khu công nghệ cao và với tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu trong nước và nước ngoài.

2. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao phối hợp thực hiện các nội dung sau đây:

a) Tổng hợp nhu cầu và khả năng cung ứng về công nghệ, nguồn nhân lực, hạ tầng, thiết bị, dữ liệu và các nguồn lực dùng chung;

b) Kết nối, chia sẻ, sử dụng hạ tầng số, hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thiết bị, dữ liệu và các nguồn lực dùng chung theo quy định của pháp luật;

c) Đề xuất, tổ chức thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án liên kết thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

3. Việc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công trong hoạt động liên kết quy định tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

Chương V
QUẢN LÝ, QUẢN TRỊ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

Điều 20. Đánh giá dự án đầu tư

1. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao tổ chức đánh giá, thẩm định dự án đầu tư trong các khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về đầu tư, khoa học và công nghệ, quy định tại Nghị quyết này và pháp luật có liên quan, trừ trường hợp dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải đánh giá, thẩm định theo quy định pháp luật.

2. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao được tổ chức Hội đồng tư vấn hoặc lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập để đánh giá dự án đầu tư. Hội đồng được thành lập theo từng hồ sơ dự án hoặc theo kỳ hoạt động để đánh giá một hoặc nhiều dự án đầu tư, tùy thuộc vào tính chất, lĩnh vực công nghệ và số lượng hồ sơ thực tế.

3. Kinh phí thù lao của Hội đồng và kinh phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập để thực hiện đánh giá, thẩm định công nghệ được bảo đảm từ ngân sách Thành phố và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

4. Mức chi thù lao cho thành viên Hội đồng đánh giá, thẩm định dự án đầu tư và chuyên gia tư vấn độc lập được áp dụng bằng 200% mức chi tương ứng đối với Hội đồng và chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định hiện hành.

5. Hội đồng phải bảo đảm tính độc lập, khách quan và không có quyền, lợi ích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp gây xung đột lợi ích đối với dự án được đánh giá; chịu trách nhiệm trước ý kiến cá nhân của mình đối với hồ sơ được lấy ý kiến và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu để rò rỉ hoặc sử dụng trái phép tài sản trí tuệ của dự án được đánh giá.

Điều 21. Quản lý môi trường

1. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy phép

môi trường trong phạm vi các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố được giao quản lý; thực hiện trách nhiệm của cơ quan phê duyệt, cấp phép.

2. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao tiếp nhận đăng ký môi trường trong phạm vi các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố được giao quản lý thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao phê duyệt kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường tại các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố trong phạm vi quản lý; thành lập Đoàn kiểm tra đột xuất không báo trước khi có căn cứ cho rằng tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố trong phạm vi quản lý.

Cơ quan quản lý khu công nghệ cao được sử dụng nhà thầu trong số các nhà thầu đang thực hiện các hợp đồng có nhiệm vụ tương tự với cơ quan quản lý khu công nghệ cao để kịp thời thực hiện việc lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải phục vụ việc kiểm tra đột xuất, nội dung công việc được bổ sung vào phụ lục của hợp đồng đã ký kết với nhà thầu. Chi phí cho hoạt động lấy mẫu và phân tích mẫu được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường cấp cho cơ quan quản lý khu công nghệ cao.

Điều 22. Theo dõi, giám sát và hậu kiểm dự án đầu tư

1. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao thực hiện việc kiểm tra đối với các dự án đầu tư trong khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, quy hoạch, khoa học và công nghệ và quy định tại Nghị quyết này.

2. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao xác định nội dung báo cáo định kỳ và nội dung hậu kiểm, bảo đảm bao quát việc chấp hành pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, khoa học và công nghệ; việc duy trì đáp ứng tiêu chí, điều kiện đối với các nội dung quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản xác nhận dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí hoạt động công nghệ cao, nội dung liên quan đến đổi mới sáng tạo trọng điểm và cung ứng dịch vụ công nghệ cao quy định tại Chương III Nghị quyết này; và việc duy trì điều kiện làm căn cứ áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo Nghị quyết này.

3. Việc hậu kiểm bao gồm việc kiểm tra, đánh giá lại việc thực hiện dự án về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, quy hoạch, công nghệ, dây chuyền công nghệ, máy móc, thiết bị của dự án so với tiêu chí đã cam kết tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản xác nhận dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí hoạt động công nghệ cao và quy định tại Nghị quyết này; trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý khu công nghệ cao sử dụng Hội đồng

hoặc chuyên gia tư vấn độc lập theo quy định tại Điều 20 Nghị quyết này để thực hiện việc đánh giá.

4. Việc hậu kiểm được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật. Đối với dự án đã chính thức đi vào hoạt động, việc hậu kiểm lần đầu được thực hiện sau 12 tháng kể từ ngày dự án chính thức đi vào hoạt động ổn định, trừ trường hợp phải thực hiện sớm hơn theo quy định của pháp luật hoặc khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm.

5. Cơ quan quản lý khu công nghệ cao tổ chức xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung về nhà đầu tư, dự án đầu tư trong các khu công nghệ cao; kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu có liên quan để phục vụ quản lý, theo dõi, giám sát và hậu kiểm.

Điều 23. Mô hình quản lý, quản trị các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố

1. Đối với các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân Thành phố giao cho cơ quan quản lý khu công nghệ cao thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình khu công nghệ cao; giao cho cơ quan quản lý khu công nghệ cao, đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc tổ chức quản lý, khai thác, vận hành, duy tu hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật do Nhà nước đầu tư và các công trình được chủ đầu tư hạ tầng bàn giao lại theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố được đầu tư bằng nguồn vốn khác, Ủy ban nhân dân Thành phố giao cho cơ quan quản lý khu công nghệ cao thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình khu công nghệ cao; chủ đầu tư hạ tầng quyết định mô hình đơn vị quản lý, vận hành, khai thác khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố phù hợp theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm bố trí biên chế và đội ngũ công chức của cơ quan quản lý khu công nghệ cao theo vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong tổng biên chế được cấp có thẩm quyền giao và theo quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy mô quản lý và yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện Nghị quyết này được bảo đảm từ ngân sách Thành phố theo phân cấp ngân sách nhà nước; vốn đầu tư công; kinh phí sự nghiệp theo lĩnh vực; nguồn vốn của tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư; nguồn tài trợ, viện trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc bố trí, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách Thành phố thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và pháp luật có liên quan; căn cứ khả năng cân đối ngân sách, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiêu chuẩn, định mức và chế độ chi tiêu hiện hành; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và không hỗ trợ trùng lặp.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này; tổ chức kiểm tra việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị có liên quan; chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân Thành phố về kết quả tổ chức thực hiện Nghị quyết và việc giải trình các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền, bảo đảm Nghị quyết được triển khai thực chất, hiệu quả.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 26. Quy định chuyển tiếp

1. Chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ, quy hoạch, kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo nội dung đã được phê duyệt, trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ thủ tục hành chính hợp lệ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực mà chưa giải quyết xong thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật áp dụng tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc tổ chức, cá nhân đề nghị áp dụng quy định mới có lợi hơn và việc áp dụng không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

3. Đối với dự án đầu tư tại các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố đã được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận nhà đầu tư, văn bản xác nhận dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí hoạt động công nghệ cao hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được xử lý như sau:

a) Nhà đầu tư được tiếp tục triển khai thực hiện dự án theo đúng các cam kết đầu tư và các nội dung khác đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành tại các giấy tờ quy định tại khoản này và hồ sơ đăng ký đầu tư;

b) Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư có thay đổi liên quan đến hoạt động công nghệ cao, công nghệ chiến lược thì nội dung điều chỉnh phải đáp ứng phạm vi, tiêu chí, điều kiện tương ứng quy định tại Chương III Nghị quyết này;

c) Nhà đầu tư được áp dụng cơ chế, chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này khi có đề nghị và đáp ứng đối tượng, điều kiện tương ứng, theo nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này.

4. Việc tổ chức hậu kiểm đối với các dự án đầu tư tại khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành được thực hiện theo hồ sơ đăng ký đầu tư/hồ sơ điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu/điều chỉnh.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 11 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa XI, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 30 tháng 10 năm 2026.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Khoa học và Công nghệ; Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng;
- Cục KTVB và TCTHPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN TP;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân TP;
- Các sở, ban, ngành TP;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND TP;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp xã;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, (P.CTHĐND-LKieu).

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Võ Văn Minh